

Số: 1292/UBND-TCKH

Quỳnh Nhai, ngày 04 tháng 6 năm 2021

V/v xây dựng dự toán ngân sách
nhà nước năm 2022

Kính gửi:

- Chi cục Thuế khu vực Thuận Châu - Quỳnh Nhai;
- Các đơn vị dự toán ngân sách huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã;
- Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện;
- Các đơn vị được hỗ trợ ngân sách nhà nước.

Thực hiện Công văn số 1912/STC-QLNS ngày 01/6/2021 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách địa phương năm 2022. Chủ tịch UBND huyện triển khai xây dựng dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 cho các đơn vị dự toán và UBND các xã như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NĂM 2020 VÀ GIAI ĐOẠN 2017-2020

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN

1.1. Đánh giá kết quả thực hiện thu NSNN giai đoạn 2017-2020, ước thực hiện năm 2021 so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Rà soát, đánh giá cụ thể những tác động của dịch bệnh Covid-19, thiên tai, biến đổi khí hậu đến thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2021; nhất là những lĩnh vực thu chủ yếu, các khoản thu không ổn định; kết quả triển khai thực hiện các giải pháp trong điều hành thu ngân sách, trọng tâm là giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức, thành phần kinh tế làm cơ sở xây dựng kế hoạch dự toán thu NSNN năm 2022.

1.2. Đánh giá kết quả thực hiện giải pháp về thu NSNN theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ; tình hình triển khai thực hiện các luật thuế, chính sách thuế; các chính sách về khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước theo nghị quyết số 94/2019/NQ-QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội và các văn bản, chính sách, chế độ thu thuế, phí, lệ phí khác tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu năm 2021.

1.3. Đánh giá công tác quản lý và thu nợ thuế năm 2021. Tổng hợp, phân loại đầy đủ, chính xác số nợ thuế, trong đó phân tích kỹ các khoản nợ không có khả năng thu, nợ có khả năng thu đến 30/6/2021 để có giải pháp cụ thể thu nợ thuế những tháng còn lại của năm 2021, phân đầu số nợ thuế năm 2021 thấp hơn so nợ thuế năm 2020 và không quá 5% số thu trên địa bàn theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ.

1.4. Đánh giá kết quả thực hiện quy chế phối hợp trong thực hiện thu, nộp

ngân sách nhà nước trên địa bàn theo Quyết định số 2948/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND tỉnh. Kết quả thực hiện thu nộp NSNN theo kết luận, kiến nghị của cơ quan Kiểm toán Nhà nước, cơ quan Thanh tra có thẩm quyền. Đánh giá tình hình kê khai, số hoàn thuế GTGT, số dự kiến hoàn cho doanh nghiệp trong năm, kết quả công tác kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế và xử lý thu hồi tiền hoàn thuế GTGT sai quy định.

1.5. Đánh giá tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan, trong đó:

- Dự kiến số phát sinh thu phí, lệ phí theo quy định trong năm 2021;
- Số thu phí được để lại, số thu phí nộp NSNN và kết quả thực hiện số thu phí được để lại với số đã thực hiện chi trong năm ngân sách. Ngoài ra, đối với cơ quan, quản lý hành chính nhà nước, đề nghị báo cáo số phí được để lại chi số còn dự kiến đến hết năm 2021 (nếu có).
- Thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2021.

1.6. Đánh giá các khoản thu học phí và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (*không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí*).

1.7. Đánh giá tình hình thu ngân sách từ đất đai theo quy định của pháp luật đất đai, thu ngân sách từ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định.

1.8. Đề xuất các kiến nghị điều chỉnh cơ chế, chính sách về phân cấp quản lý thu ngân sách qua việc triển khai thực hiện (*nếu có*).

2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước 2020

2.1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển

- Tình hình phân bổ, giao dự toán chi ĐTPT năm 2021: Việc bố trí, phân bổ vốn, giao dự toán chi ĐTPT cho các dự án, công trình trong năm 2021 theo Luật Đầu tư công; thời gian phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư; kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ XDCB thuộc nguồn NSNN.

- Chi ĐTPT từ nguồn chi cân đối NSNN: Đánh giá giá trị khối lượng thực hiện, vốn thanh toán đến hết Quý II năm 2021, dự kiến khối lượng thực hiện và vốn thanh toán đến ngày 31/12/2021, tỷ lệ giải ngân so với dự toán; khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, kiến nghị. Đối với chi ĐTPT từ nguồn tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền và chuyển mục đích sử dụng đất: Đánh giá giá trị khối lượng thực hiện các dự án đầu tư; báo cáo chi tiết các dự án đã hoàn thành chưa được quyết toán do chưa được bố trí dự toán ngân sách, các dự án được phê duyệt sử dụng từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đã nộp ngân sách nhưng chưa sử dụng.

- Tổng hợp, đánh giá tình hình nợ đọng khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản nguồn NSNN và thu hồi vốn ứng nguồn NSNN: số đến ngày 31/12/2020; ước số xử lý trong năm 2021; dự kiến số nợ xây dựng cơ bản, số ứng còn đến ngày 31/12/2021 (chi tiết từng dự án); trong đó nêu rõ nợ đọng trong kế hoạch đầu tư

nhưng chưa cân đối được vốn, nợ đọng do điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư nhưng chưa bố trí được vốn; khối lượng đã thực hiện ngoài kế hoạch vốn trong năm.

- Tình hình triển khai các dự án, chương trình từ nguồn vay và trả nợ các nguồn vốn vay của địa phương

- Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công và điều chỉnh dự án đầu tư công (nếu có) theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2021 và dự kiến đến hết năm 2021; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

- Đánh giá vướng mắc trong quản lý đầu tư theo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan, kiến nghị giải pháp xử lý.

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi hỗ trợ phát triển.

- Tình hình thực hiện tín dụng đầu tư ưu đãi của Nhà nước năm 2021 (*tổng mức tăng trưởng tín dụng, các nguồn vốn để thực hiện kế hoạch tăng trưởng tín dụng, nguồn NSNN cấp bù chênh lệch lãi suất, ...*); đối tượng hưởng ưu đãi; phạm vi ưu đãi; đầu mỗi thực hiện chính sách tín dụng; lãi suất cho vay; cải cách hành chính trong thủ tục xét duyệt cho vay.

- Tình hình thực hiện chính sách tín dụng cho các chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn; tín dụng học sinh, sinh viên; cho vay giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động; cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;... Mỗi chương trình cho vay cần làm rõ cơ sở pháp lý, phạm vi, đối tượng, điều kiện vay, lãi suất huy động bình quân; dư nợ cho vay đầu năm, số phát sinh vay và trả nợ trong năm, dự kiến mức dư nợ cuối kỳ; số kinh phí cấp bù lãi suất còn thiếu đầu năm, số phát sinh trong năm, số đã được cấp bù, số dự kiến còn thiếu cuối năm 2021.

2.3. Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa: Tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực xã hội hóa đầu tư theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

2.4. Các cơ quan, đơn vị và UBND các xã đánh giá riêng về việc thực hiện các nhiệm vụ chi đầu tư từ nguồn ngoài cân đối NSNN (*các nội dung đánh giá tương tự các nhiệm vụ chi đầu tư nguồn cân đối NSNN*). Riêng nguồn phí để lại cho các cơ quan quản lý nhà nước chi đầu tư theo quy định, đề nghị báo cáo cụ thể tình hình phê duyệt, triển khai các dự án; số đã hoàn thành, quyết toán; số đang triển khai; số đã phê duyệt nhưng chưa triển khai (*chi tiết từng chương trình, dự án; cấp phê duyệt; thời gian khởi công kết thúc; tổng mức kinh phí; tình hình triển khai*).

2.5. Đánh giá tình hình thực hiện chi ĐTPT năm 2021

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện cả năm 2021, thực hiện đánh giá so

với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, trong đó:

- Số chi ĐTPT thực hiện năm 2021 so với kế hoạch trung hạn được cấp thẩm quyền giao giai đoạn 2021-2025, trong đó chi tiết nguồn cân đối ngân sách địa phương, nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu, cụ thể từ nguồn TPCP, nguồn vốn ngoài nước (*bao gồm cả nguồn vốn vay và vốn viện trợ không hoàn lại*% vốn trong nước (*nếu có*)).

- Số dự án có nợ XDCB đã tổng hợp, bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, tình hình bố trí vốn năm 2021 để xử lý nợ XDCB, dự kiến bố trí trong năm 2022 và giai đoạn 2022-2025. Số dự án đã được thực hiện còn nợ XDCB nhưng chưa báo cáo tổng hợp trong kế hoạch trung hạn, số phát sinh (*nếu có*), đề xuất biện pháp xử lý nợ XDCB các dự án trên.

- Việc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ chi hỗ trợ phát triển năm 2021 so với kế hoạch giai đoạn 2021-2025 được cấp thẩm quyền giao, chi tiết từng chương trình, chính sách hỗ trợ; khó khăn, kiến nghị (*nếu có*).

- Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa năm 2021 so với kế hoạch giai đoạn 2021-2025 được giao (chi tiết tổng nguồn lực, cơ cấu nguồn lực xã hội hóa theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa theo ngành lĩnh vực; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục).

2.6. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2021 và giai đoạn 2017-2020

- Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2021 theo từng lĩnh vực chi được giao.

- Kết quả việc cắt giảm dự toán đối với các nhiệm vụ chi thường xuyên đã giao trong dự toán đầu năm của các đơn vị, nhưng đến **ngày 30/6/2021** chưa phân bổ theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ.

- Kết quả thực hiện tiết kiệm chi thêm 10% chi thường xuyên 8 tháng còn lại năm 2021 theo Công văn số 1484/UBND-TH ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh. Kinh phí thực hiện công tác phòng chống dịch Covid-19 theo Nghị quyết 16/NQ-CP ngày 08/2/2021 và Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ; Kinh phí mua và sử dụng vắc xin phòng chống Covid 19 theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 26/2/2021 của Chính phủ.

- + Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án trong 6 tháng, dự kiến cả năm 2021. giai đoạn 2017-2020; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện, cụ thể:

- + Đối với các chế độ, chính sách: Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

- Thực hiện tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy: Kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2021 và tổng hợp lũy kế tình hình

thực hiện đến hết năm 2021 chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 39- NQ/TW, Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trong đó chi tiết: (1) Số giảm biên chế, giảm đầu mỗi tổ chức bộ máy từng năm; (2) Số kinh phí dành ra được do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy từng năm; (3) Số kinh phí phải bố trí từng năm từ NSNN để thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

- Thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công:

+ Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19 - NQ/TW, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/ 2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công và các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong các lĩnh vực sự nghiệp cụ thể trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm và tổng hợp lũy kế tình hình thực hiện đến hết năm 2021 chi tiết theo từng mục tiêu, từng năm.

+ Đánh giá tác động của việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao khả năng tự chủ đến NSNN theo từng lĩnh vực, từng năm (*số kinh phí dành ra và việc sử dụng*). Riêng về việc giảm chi hỗ trợ từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ, đề nghị đánh giá số giảm đối với từng sự nghiệp (*sự nghiệp giáo dục và đào tạo...*) và việc sử dụng số kinh phí dành ra, chi tiết từng năm; các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

- Kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu, đồng thời kiến nghị các giải pháp khắc phục ngay trong năm và giai đoạn 2022-2025.

3. Đánh giá tình hình thực hiện các CTMTQG, CTMT

3.1. Đánh giá tình hình phân bổ, thực hiện dự toán chi CTMTQG, CTMT năm 2021; thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện và đề xuất, kiến nghị (*nếu có*).

Đánh giá tình hình lũy kế thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu đến năm 2021 so với kế hoạch trung hạn được giao giai đoạn 2021-2025 (*nếu có*) và so với tổng mức được phê duyệt cho giai đoạn 2021-2025 (*trường hợp chưa/không được giao kế hoạch trung hạn*), những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

3.2. Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã đánh giá tình hình phân bổ, thực hiện dự toán chi năm 2021 các chương trình, dự án. Đánh giá lũy kế việc thực hiện đến năm 2021 so với mục tiêu, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao (*nếu có*), hoặc kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2025 theo thỏa thuận đã ký kết; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

4. Về biên chế và quỹ lương

4.1. Báo cáo về biên chế, quỹ lương, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định.

4.2. Đánh giá kết quả thực hiện các biện pháp tài chính và kết quả tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương từ: Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (*không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương*), từ 35-40% nguồn thu được để lại theo chế độ quy định (*nguồn chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021*); từ nguồn 50% tăng thu ngân sách (*không kể tiền sử dụng đất*);... và xác định các nguồn năm trước theo quy định chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2021 (*nếu có*) để tiếp tục tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương; nguồn thu được để lại theo chế độ, theo lộ trình kết cấu chi phí vào giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, các Nghị định về tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo lĩnh vực; nguồn dành ra gắn với việc thực hiện các Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW.

4.3. Năm 2022, dự kiến triển khai thực hiện chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW từ ngày 1/7/2022. Các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm các quy định về tạo nguồn cải cách tiền lương để thực hiện điều chỉnh đên án tiền lương trong năm 2022 và các năm tiếp theo.

5. Tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội

5.1. Chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, Luật Người cao tuổi và Luật Người khuyết tật.

5.2. Chính sách hỗ trợ giáo dục - đào tạo: hỗ trợ học sinh bán trú, học sinh phổ thông trung học ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội ĐBKK; chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí, chi phí học tập; chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; Chính sách hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi,...; Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo...

5.3. Chính sách đối với hộ nghèo và hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tại các vùng đặc biệt khó khăn; Chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách; Kinh phí sử dụng đất trồng lúa...

5.4. Kinh phí phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và khắc phục phòng chống thiên tai, dịch bệnh...

5.5. Tình hình sử dụng dự phòng đối với ngân sách cấp huyện, xã. Báo cáo việc bố trí ngân sách và sử dụng dự phòng để phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh ...

6. Đánh giá kết quả thực hiện quản lý điều hành ngân sách địa phương

Kết quả thực hiện dự toán ngân sách đã được giao theo từng lĩnh vực: Sự nghiệp kinh tế, Giáo dục - Đào tạo, Văn hoá, Quản lý hành chính, chi ngân sách xã, an ninh - quốc phòng... Mức độ hoàn thành dự toán, nguyên nhân tăng giảm so với dự toán. Công tác quyết toán NSĐP năm 2020; kết quả thực hiện các Kết luận, kiến nghị của thanh tra, kiểm toán: Kết quả thực hiện; Các nội dung chưa thực hiện (*Nguyên nhân, lý do, trách nhiệm*); Kiến

nghi, đề xuất, giải pháp...

II. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH 03 NĂM 2022-2024

1. Yêu cầu, nhiệm vụ

Năm 2022, là năm kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025, năm đầu thực hiện trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch tài chính 05 năm địa phương giai đoạn 2021-2025. Căn cứ vào mức chi cân đối ngân sách địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2022 và chi đầu tư giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, công tác xây dựng dự toán NSNN được thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh, đảm bảo bám sát, đúng với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương và kết quả thực hiện dự toán ngân sách nhà nước.

- Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật về quy trình, thời hạn, thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện đến 31/12/2021; mục tiêu, nhiệm vụ phải thống nhất với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch Tài chính 05 năm địa phương 2021-2025, Kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm 2022-2024, các chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và văn bản chỉ đạo có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

- Các cơ quan, ban, ngành và UBND các xã trên cơ sở đánh giá thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và giai đoạn 2021-2025 của ngành, lĩnh vực và địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để xác định nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2021 phù hợp với các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW, Nghị quyết số 25/2016/QH14, Nghị quyết số 26/2016/QH14, Nghị quyết số 71/2018/QH14, các cơ chế, chính sách phát triển của địa phương theo quy định; tiếp tục triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII), Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp và Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII), chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2022 trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả mục tiêu cơ cấu lại ngân sách nhà nước, dự toán theo hướng tăng dần tỷ trọng thu nội địa, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, dần tăng tỷ trọng chi đầu tư, bố trí đủ nguồn kinh phí chi trả nợ chính

quyền địa phương; các khoản chi cho con người, chi an sinh xã hội, chi thực hiện các chương trình mục tiêu, chương trình trọng điểm và chi cho quốc phòng, an ninh; kiểm soát bội chi.

- Việc xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2022 phải theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý thu, chi ngân sách; trên cơ sở phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi NSNN giai đoạn 2022 – 2025; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí từ khâu lập dự toán.

- Các cơ quan, ban, ngành và UBND các xã khi xây dựng dự toán phải rà soát tổng thể các chế độ, chính sách (nhất là các chính sách an sinh xã hội) để trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ, hoặc lồng ghép các chính sách chồng chéo, trùng lặp, kém hiệu quả; không đề xuất các chính sách làm giảm thu ngân sách; chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành.

2. Xây dựng dự toán NSNN năm 2022

2.1. Xây dựng dự toán dự toán thu ngân sách

- Dự toán thu NSNN năm 2022 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, có tính đến khả năng điều chỉnh chính sách của năm kế hoạch, trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2021; đồng thời phân tích, dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước; tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, các dự án hết thời gian ưu đãi và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hóa công tác quản lý thu; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, quản lý chặt chẽ giá tính thuế, mở rộng triển khai hóa đơn điện tử; phát hiện và ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, chuyển giá, trốn lậu thuế; tăng cường xử lý nợ đọng thuế.

- Dự toán thu NSNN trên địa bàn xây dựng phải bám sát mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 đã được Đại hội Đảng các cấp quyết nghị, khả năng thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2022; tổng hợp đầy đủ các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác vào NSNN theo quy định của Luật NSNN năm 2015; yếu tố tăng thu từ tăng cường kiểm tra, thanh tra việc kê khai, nộp thuế của các tổ chức, cá nhân, các khoản thu được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và tăng thu từ chỉ đạo quyết liệt chống thất thu, thu số thuế nợ đọng từ các năm trước, các khoản thu từ các dự án đầu tư đã hết thời gian ưu đãi.

- Chi Cục thuế khu vực Thuận Châu-Quỳnh Nhai, UBND các xã xây dựng dự toán thu nội địa năm 2022, ngoài việc phải đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu nêu trên, phải tổng hợp đầy đủ các nguồn thu thuộc phạm vi thu NSNN phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, các khoản thu thuế nhà thầu trong nước khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, các khoản thuế từ các dự án mới được đưa vào sản xuất kinh doanh); đồng thời loại trừ các khoản theo

quy định không thuộc nguồn thu cân đối NSNN. Trên cơ sở đánh giá đầy đủ thực tế thực hiện năm 2021, yêu cầu phấn đấu và khả năng thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2022.

- Dự toán thu NSNN năm 2022 phải được xây dựng trên cơ sở hệ thống dữ liệu đối tượng nộp thuế; đảm bảo tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn theo các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí và thu khác NSNN; các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình tiếp tục ảnh hưởng tới số thu NSNN năm 2022 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng trong năm 2022.

- Tổng hợp và phân cấp đúng quy định đối với khoản thu thuế bảo vệ môi trường của mặt hàng xăng, dầu; tiền thu cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước (bao gồm cả số phát sinh từ giấy phép do Trung ương cấp và giấy phép do ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp); tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước trung ương, địa phương xử lý.

- Dự toán thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tiếp tục được xây dựng trên cơ sở kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá thực tế thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 và dự báo đánh giá nhu cầu của thị trường 6 tháng cuối năm 2021 và trong năm 2022.

- Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp NSNN và để lại chi theo quy định, các cơ quan, ban, ngành và UBND các xã ước số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2021, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2022 để xây dựng dự toán thu phù hợp, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (chi tiết, tổng số thu, số được để lại chi theo chế độ đối với từng lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN theo quy định). Riêng các cơ quan quản lý hành chính nhà nước dự kiến số phí được để lại chi theo quy định (chi tiết dự kiến việc sử dụng cho chi thường xuyên theo quy định, chi cho các chương trình, dự án đầu tư đã được phê duyệt (nếu có), theo phân kỳ năm 2022 và tiến độ triển khai thực tế).

- Đối với khoản thu học phí và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN cho các cơ quan, đơn vị, nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

- Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp về tăng cường công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ thuế, thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra, giám sát hoàn thuế GTGT, tăng cường giám sát, quản lý, chống thất thu đối với doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính; các nguồn thu từ đôn đốc thực hiện kiến nghị của cơ quan kiểm toán, các cơ quan chức năng và số tiền thuế truy thu, truy hoàn, tiền thuế nợ dự

kiến thu hồi cho NSNN.

2.2. Xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước

a) Chi đầu tư phát triển

- Xây dựng dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN (bao gồm cả nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu tiền sử dụng đất) đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025; tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025 theo quy định của Trung ương và của tỉnh.

- Vốn đầu tư XDCB bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, tiếp tục cơ cấu lại đầu tư từ NSNN theo hướng tập trung, khắc phục dàn trải, tăng cường hiệu quả đầu tư của ngân sách nhà nước. Các đơn vị khi xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển phải gắn kết chặt chẽ với mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2025. Việc bố trí vốn kế hoạch chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước phải được thực hiện đúng quy định của Luật đầu tư công và hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

+ Dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN được xây dựng bám sát kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội 10 năm 2021-2030; đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công, trong đó chỉ bố trí vốn cho các chương trình, dự án dự kiến đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn; tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ĐTPT nguồn NSNN giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định của Trung ương, của tỉnh và đảm bảo trong phạm vi tổng mức kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được giao/phê duyệt;

+ Khi xây dựng dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN, các huyện cần chi tiết theo từng lĩnh vực và sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên: (i) bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, dự án trọng điểm, chương trình mục tiêu, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của tỉnh; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư; xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng trước; (ii) phần còn lại mới bố trí cho các dự án khởi công mới nếu có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

- Năm 2022 là năm thứ hai của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, do đó bố trí đủ kế hoạch vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước năm 2022 để thanh toán nợ xây dựng cơ bản còn lại chưa thanh toán các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2022; ưu tiên bố trí vốn thu hồi vốn ứng trước, đầu tư cho các chương trình mục tiêu đã được phê duyệt nhằm hướng đến mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển nông nghiệp, nông thôn, các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng bị ảnh hưởng nặng nề của thiên tai; các dự án, công trình giáo dục, các dự án phát triển hạ tầng trọng điểm tạo sức lan tỏa và kết nối phát triển giữa các vùng; các dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới; không bố trí vốn cho các dự án không có khả năng giải ngân năm 2022.

- Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất) và số

thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (nếu có) và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ chi phí liên quan) phải nộp ngân sách nhà nước và được ưu tiên bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước cho mục đích đầu tư phát triển theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn Luật. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 từ nguồn thu này gửi phòng Tài chính - Kế hoạch để tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Đẩy mạnh xã hội hoá trong đầu tư phát triển ở các lĩnh vực xã hội, đặc biệt trong ngành giáo dục, văn hoá để huy động thêm nguồn lực xã hội đầu tư phát triển các lĩnh vực này.

b) Chi thường xuyên

- Dự toán chi thường xuyên xây dựng theo từng lĩnh vực, đảm bảo đúng chính sách, chế độ và các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025.

+ Rà soát đầy đủ các chủ trương, chế độ, chính sách để đảm bảo xây dựng dự toán đầy đủ, chính xác và thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán;

+ Tăng cường trách nhiệm về tính chính xác của số liệu hoặc cơ sở tính của các chế độ, chính sách đối với từng ngành, lĩnh vực và địa phương, tránh tình trạng bỏ sót nhiệm vụ chi dẫn đến bổ sung dự toán nhiều lần trong năm làm ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành ngân sách và đơn vị bị động trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị giao.

+ Khắc phục những tồn tại như xây dựng dự toán quá cao so với khả năng cân đối nguồn thu, thiếu nhiệm vụ chi, trùng lặp về đối tượng, nhiệm vụ chi làm ảnh hưởng đến công tác xây dựng dự toán chung của huyện.

- Dự toán chi thường xuyên phải bảo đảm triệt để tiết kiệm; dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định; giảm tần suất và tiết kiệm tối đa kinh phí sử dụng từ ngân sách để tổ chức lễ hội, nhất là lễ hội có quy mô lớn, hội thảo, khánh tiết...; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát, mua sắm ô tô và trang thiết bị đắt tiền; thực hiện khoán xe ô tô công.

- Dự toán chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với mục tiêu, nhiệm vụ tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị theo Kết luận số 17-KL/TW; việc rà soát, sắp xếp lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, chi tiết việc triển khai từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong năm 2022; xác định mức kinh phí dành ra gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2022 theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Dự toán chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp xây dựng trên cơ sở tiến độ đã thực hiện giai đoạn 2017 - 2021; mục tiêu, nhiệm vụ tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị theo Kết luận số 17-KL/TW; các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 10/NQ-CP, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; chi tiết việc triển khai từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong năm 2022; xác định mức giảm dự toán gắn với việc thực hiện các

mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2022 theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

c) Xây dựng dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, số kiểm tra năm 2022, khả năng thực hiện và các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện, các cơ quan được giao là chủ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu thực hiện theo hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương về lập dự toán vốn, kinh phí thực hiện chương trình phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình.

- Các cơ quan, ban, ngành và UBND các xã căn cứ nhiệm vụ được giao thực hiện lập dự toán chi thực hiện các chương trình, chi tiết theo từng nguồn vốn, từng dự án, nội dung, nhiệm vụ, kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư, nguồn NSTW, nguồn đối ứng NSDP, gửi phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp để gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và cơ quan chủ chương trình theo quy định.

d) Dự toán chi sự nghiệp từ nguồn thu được để lại theo chế độ

Các cơ quan, ban, ngành và UBND các xã thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại báo cáo cấp có thẩm quyền theo biểu mẫu quy định tại Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, nhưng không tổng hợp vào dự toán chi NSNN địa phương.

e) Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán NSNN năm 2022

Chi các hoạt động kinh tế: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (*giao thông, thủy lợi*) để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; bảo đảm an toàn giao thông; tìm kiếm cứu nạn; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm. Xây dựng dự toán kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; chính sách phụ cấp thâm niên ngành giáo dục; chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn,...

- Chi quản lý hành chính, thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế năm 2022 (*Bao gồm: số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2021 - số biên chế tinh giản trong năm 2021 + số bổ sung trong năm 2021 nếu có, trong đó số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt (nếu có)*);

+ Xác định Quỹ tiền lương, phụ cấp theo mức lương cơ sở **1.490.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng)** do NSNN đảm bảo, bao gồm: (i) Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp

lương và các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn); (ii) Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ;

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (*cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi...*) năm 2022 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

+ Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách hỗ trợ kinh phí hoạt động, dự toán ngân sách năm 2022 được xác định căn cứ vào việc tăng, giảm nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao trong năm 2022.

- Bố trí nguồn ngân sách thực hiện CCTL: Năm 2022, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn CCTL để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định và đề án tiền lương theo tinh thần Nghị quyết số 27- NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII), gồm:

+ Nguồn cải cách tiền lương các năm trước còn dư chuyển sang năm 2022 (nếu có).

+ Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ).

+ Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu được để lại theo quy định.

+ 70% số tăng thu ngân sách năm 2021; 50% tăng thu ngân sách năm 2022 so với dự toán năm 2021 (*trừ tiền sử dụng đất, các khoản thu đã cân đối cho chi đầu tư theo chế độ*).

- Dự phòng ngân sách: bố trí dự phòng ngân sách các cấp theo đúng quy định của Luật NSNN năm 2015 (*tối thiểu 2%*) và không thấp hơn chỉ tiêu dự phòng cấp trên giao, chỉ tiêu tăng dự phòng do tăng thu, chi ngân sách do HĐND các cấp quyết nghị, đề chủ động ứng phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán, các nhiệm vụ chi khác nhưng chưa được dự toán.

- Các cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2021 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2022 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn.

- Đối với kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo Nghị định của Chính phủ, kinh phí thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh và các nhiệm vụ chi tại đơn vị, ngân sách cấp xã, nhưng chưa được ngân sách cấp huyện hỗ trợ (*đã có văn bản của cấp có thẩm quyền*), các đơn vị, các xã rà soát kỹ, xác định nhu cầu theo từng nội dung (*kèm theo hồ sơ, tài liệu có liên quan*), tổng hợp trong phương án dự toán chi năm 2022 gửi UBND huyện (qua phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp). Quá trình thực hiện dự toán năm 2022 các khoản chi do nguyên nhân chủ quan chưa được tổng hợp trong dự toán các đơn vị, các xã chủ

động bố trí kinh phí theo quy định.

- Căn cứ số kiểm tra thu, chi ngân sách năm 2022, các đơn vị, UBND các xã xây dựng dự toán chi chặt chẽ, chi tiết theo từng lĩnh vực quy định tại Luật NSNN, từng nhiệm vụ, từng đơn vị.

3. Xây dựng kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm giai đoạn 2022-2024

Bên cạnh nhiệm vụ xây dựng dự toán NSNN năm 2022, căn cứ các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu trong thời gian 03 năm kế hoạch, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và hướng dẫn tại Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ, các cơ quan, đơn vị, các xã lập kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm giai đoạn 2022-2024 thuộc phạm vi quản lý, gửi phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp theo quy định của Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn để báo cáo Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư. Trong đó, lưu ý một số nội dung sau:

- Về trần chi tiêu giai đoạn 2022-2024: đề nghị các cơ quan, đơn vị căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 69/2017/TT-BTC xác định chính xác và đầy đủ chi tiêu cơ sở và chi tiêu mới cho giai đoạn 2022-2024.

- Trường hợp nhu cầu chi của các đơn vị trong các năm 2022-2024 tăng, giảm mạnh so với dự toán và ước thực hiện năm 2022, đề nghị các đơn vị có thuyết minh, giải trình cụ thể nguyên nhân tăng, giảm, đề xuất giải pháp huy động nguồn lực để thực hiện.

III. BIỂU MẪU, THỜI GIAN BÁO CÁO VÀ MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC

1. Về biểu mẫu báo cáo: Các cơ quan, đơn vị và UBND các xã cung cấp số liệu theo các biểu mẫu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, Nghị định số 31/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, trong đó:

1.1. Theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính

- **Lập dự toán thu ngân sách nhà nước:** Dùng cho cơ quan thuế: Mẫu biểu số 01; 02; 03; 04.

- **Lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước:** Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách: Mẫu biểu số 05; 06; 07; 08; 09; 11.1; 12.1 đến 12.5; 13.1 đến 13.10; 13.12; 14; 15.1; 15.2; 17; 18.

- **Lập dự toán chi đầu tư phát triển:** Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách: Mẫu biểu số 23; 24; 25; 26; 27.

1.2. Theo quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ: Dùng cho UBND các xã: Mẫu biểu số 15 đến 18.

1.3. Theo quy định tại Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính: các cơ quan, đơn vị lập dự toán ngân sách nhà nước giai đoạn 03 năm: Mẫu biểu số 13 đến 22.

1.4. Đối với các nội dung không có biểu mẫu kèm theo hướng dẫn, đề nghị các cơ quan, đơn vị, UBND các xã căn cứ vào tính chất và đặc thù của từng

lĩnh vực để thuyết minh cơ sở tính toán cho phù hợp,

2. Thời gian: Các cơ quan, đơn vị và UBND các xã gửi hồ sơ dự toán về UBND huyện (qua Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện) **trước ngày 22/6/2021**. (đối với ngân sách xã, UBND các xã tổng hợp xây dựng dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 trình Thường trực HĐND xã theo quy định).

3. Sau khi có Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, Sở Tài chính trường hợp có nội dung hướng dẫn khác so với nội dung tại văn bản này, UBND huyện sẽ có văn bản hướng dẫn bổ sung.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND các xã nghiêm túc triển khai thực hiện đảm bảo xây dựng dự toán ngân sách. Nếu phát sinh vướng mắc trong xây dựng dự toán NSNN năm 2022, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã phản ánh về UBND huyện (qua Phòng Tài chính - Kế hoạch) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Như trên;
- Lưu: VT; TCKH (Thành); 100 bản.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Cầm Văn Huy